

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 485 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án  
“Đầu tư xây dựng Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Mỹ Phước 3, diện tích  
224,8947 ha (điều chỉnh quy hoạch)” tại phường Thới Hòa, phường Chánh  
Phủ Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo Biên bản thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Mỹ Phước 3, diện tích 224,8947 ha (điều chỉnh quy hoạch)” tại phường Thới Hòa, phường Chánh Phú Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Mỹ Phước 3, diện tích 224,8947 ha (điều chỉnh quy hoạch)” tại phường Thới Hòa, phường Chánh Phú Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 45/2022/CV/IDC-TTMT ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP;*

AI NG

*Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Mỹ Phước 3, diện tích 224,8947 ha (điều chỉnh quy hoạch)” tại phường Thới Hòa, phường Chánh Phú Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (sau đây gọi là Dự án) của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 24 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Mỹ Phước 3 tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát của Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (BECAMEX IDC CORP)”./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT. Dg.

*kh*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

## Phụ lục

### CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Đầu tư xây dựng Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Mỹ Phước 3, diện tích 224,8947 ha (điều chỉnh quy hoạch)” tại phường Thới Hòa, phường Chánh Phú Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 485 /QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 3  
năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### 1. Thông tin về Dự án

- Tên Dự án: “Đầu tư xây dựng Kết cấu hạ tầng Khu dân cư Mỹ Phước 3, diện tích 224,8947 ha” (điều chỉnh quy hoạch).
- Địa điểm thực hiện: Phường Thới Hòa, phường Chánh Phú Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.
- Địa chỉ liên hệ: Số 08 đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

##### 1.1. Phạm vi của Dự án

1.1.1. Đầu tư xây dựng và vận hành hạ tầng kỹ thuật của Khu dân cư Mỹ Phước 3, diện tích 224,8947 ha (sau đây gọi tắt là Khu dân cư) trên cơ sở Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết (tỉ lệ 1/500) Khu dân cư Mỹ Phước 3 tại phường Thới Hòa, phường Chánh Phú Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) với các hạng mục công trình sau: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, chống sét, hệ thống thông tin liên lạc, kho chứa chất thải nguy hại, điểm tập kết rác thải và hệ thống cây xanh, hồ cảnh quan.

1.1.2. Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm hoạt động giải phóng mặt bằng phân diện tích 4,2596 ha mở rộng; hoạt động đầu tư xây dựng các công trình nhà ở, nhà biệt thự, trường học và các hạng mục công trình kiến trúc thành phần khác trong Khu dân cư và hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng nêu tại mục 1.2.3.1. của Quyết định này.

##### 1.2. Quy mô của Dự án

###### 1.2.1. Quy mô dân số

Điều chỉnh tăng quy mô dân số của Khu dân cư từ 16.000 người lên 22.000 người trên cơ sở Quyết định số 653/QĐ-UBND 23 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

###### 1.2.2. Quy mô sử dụng đất

Điều chỉnh tăng quy mô sử dụng đất của Dự án từ 220,6351 ha lên 224,8947 ha trên cơ sở Quyết định số 653/QĐ-UBND 23 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chi tiết như sau:

- Đất ở: 97,6352 ha.

- Đất công trình dịch vụ dân cư: 15,8235 ha.
- Đất cây xanh, mặt nước: 42,0780 ha.
- Đất giao thông 68,2477 ha.
- Đất kỹ thuật: 1,1103 ha (đất kênh thoát nước mưa).

### 1.2.3. Quy mô các hạng mục công trình

1.2.3.1. Quy mô các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng (trên cơ sở Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 24 tháng 07 năm 2008 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Mỹ Phước 3 tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát của Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (BECAMEX IDC CORP).

- San nền trên diện tích 166,54 ha.
- Xây dựng 35 tuyến đường chính nội bộ với tổng chiều dài  $D = 13.895$  m; bề rộng nền đường từ 5,5 m đến 37,85 m; tổng diện tích xây dựng là  $86.475$  m<sup>2</sup>.
- Xây dựng hệ thống cây xanh trên diện tích  $43.190$  m<sup>2</sup>.
- Xây dựng 03 hồ cảnh quan trên tổng diện tích khoảng  $26.816$  m<sup>2</sup>, gồm: Hồ I1 diện tích  $11.300$  m<sup>2</sup>, dung tích  $13.000$  m<sup>3</sup>; hồ Linear Park diện tích  $5.516$  m<sup>2</sup>, dung tích  $6.000$  m<sup>3</sup> và hồ Công Viên trung tâm diện tích  $10.000$  m<sup>2</sup>, dung tích  $12.000$  m<sup>3</sup>.

- Xây dựng hệ thống, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, chống sét, hệ thống thông tin liên lạc trên diện tích khoảng  $598.300$  m<sup>2</sup>.

### 1.2.3.2. Quy mô các hạng mục công trình sẽ được đầu tư xây dựng mới

- San nền trên diện tích 58,3547 ha.
- Xây dựng 67 tuyến đường nội bộ với tổng chiều dài  $D = 23.159$  m; bề rộng nền đường từ 08 m ÷ 10 m; tổng diện tích xây dựng là  $596.002$  m<sup>2</sup>.
- Xây dựng 04 hồ cảnh quan trên tổng diện tích  $28.263$  m<sup>2</sup>, bao gồm: Hồ Commercial diện tích  $4.491$  m<sup>2</sup>, dung tích  $5.300$  m<sup>3</sup>; hồ C2 diện tích  $13.807$  m<sup>2</sup>, dung tích  $16.500$  m<sup>3</sup>; hồ Công Viên R2, R3 diện tích  $5.918$  m<sup>2</sup>, dung tích  $7.200$  m<sup>3</sup>; hồ Công Viên R6, R7 diện tích  $4.047$  m<sup>2</sup> dung tích  $4.800$  m<sup>3</sup>.

- Xây dựng hệ thống cây xanh trên diện tích  $332.511$  m<sup>2</sup>.

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng  $10$  m<sup>2</sup> và 01 khu tập kết chất thải rắn thông thường diện tích khoảng  $50$  m<sup>2</sup> tại khu đất kỹ thuật có ký hiệu R11.

- Hoàn thiện hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, chống sét, hệ thống thông tin liên lạc trên phạm vi Dự án.

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

#### 2.1.1. Các tác động chính trong giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình hạ tầng của Dự án và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt khu vực Dự án và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ.

### 2.1.2. Các tác động chính giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành khu dân cư Mỹ Phước 3 phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông.

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

#### 2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động của các cán bộ, công nhân phục vụ Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 4,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Hoạt động vệ sinh phương tiện, máy móc, thiết bị thi công phát sinh nước thải với khối lượng khoảng 9 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng 6.257 m<sup>3</sup>/s. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát...

#### 2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của dân cư trong Khu dân cư phát sinh nước thải sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 3.630 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), amoni, vi sinh, dầu mỡ động thực vật.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng 6.257 m<sup>3</sup>/s. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát...

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

#### 2.3.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải và hoạt động của các thiết bị thi công phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu gồm: TSP, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC...

#### 2.3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của các phương tiện giao thông trong Khu dân cư, hoạt động của khu tập kết rác thải phát sinh bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là TSP, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOCs.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

#### 2.4.1. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường thi công phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 80 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ.

- Hoạt động đào đắp, san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh khoảng 175.393 m<sup>3</sup> đất hữu cơ thừa và khoảng 18.270 m<sup>3</sup> chất thải rắn thông thường. Thành phần của chất thải rắn thông thường chủ yếu là đất đá thải, bê tông thừa, nhựa, nhôm, kính, dây điện, sắt, thép...

#### 2.4.2. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 22.000 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là vỏ đồ hộp, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

## 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại giai đoạn thi công xây dựng  
Hoạt động thi công xây dựng của Dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 12,9 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, hộp đựng sơn, dầu đã qua sử dụng, dầu thải tổng hợp, bóng đèn huỳnh quang, que hàn, dụng cụ quét sơn...

## 2.5.2. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành của Dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 132 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu thải, bao bì thải có chứa thành phần nguy hại, pin thải, ắc quy thải...

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

### 3.1. Thu gom, xử lý nước thải

#### 3.1.1. Thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công (với khối lượng khoảng 4,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm) được thu gom vào 04 nhà vệ sinh lưu động; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút toàn bộ chất thải đi xử lý theo quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển trên công trường được thu gom vào hệ thống rãnh thu kích thước L x B = (0,8 x 0,6) m và hố lắng có dung tích khoảng 4,5 m<sup>3</sup>/hố kích thước (L x B x H) khoảng (1,5 x 1,5 x 2) m tại mỗi công trường; nước rửa sau khi được tách dầu và lắng cặn được tái sử dụng để tưới nước dập bụi trên công trường thi công, làm ẩm vật liệu và đất đá thải trước khi vận chuyển, không thải ra môi trường.

Quy trình: Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển → rãnh thu → hố lắng → tái sử dụng để tưới nước dập bụi trên công trường thi công, làm ẩm vật liệu và đất thải trước khi vận chuyển.

- Nước mưa chảy tràn tại công trường được thu gom vào hệ thống các rãnh thoát nước tạm thời kích thước B x H = (0,5 x 0,5) m xây dựng xung quanh công trường thi công và hệ thống các hố ga kích thước L x B x H = (1 x 2 x 1,5) m với mật độ khoảng 300 m/hố quanh công trường thi công để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước mưa chảy tràn trước khi thải ra kênh C1 và chảy ra sông Thị Tính.

Quy trình: Nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → hố lắng → kênh C1 → sông Thị Tính.

#### 3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống bể tự hoại loại 03 ngăn xây dựng tại mỗi công trình để xử lý sơ bộ. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ qua hệ thống hố ga và đường ống thu gom, thoát nước thải D400, D500, D600 dẫn về trạm bơm số 1 (tọa độ X = 567.611, Y =

1.229.317) và trạm bơm số 2 (tọa độ X = 567.629, Y = 1.229.282) đầu nối về Nhà máy xử lý nước thải tập trung 3.2 có tổng công suất là 13.329 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 tại phía Nam của Khu dân cư áp 3A phường Thới Hòa do Chủ Dự án cùng làm chủ đầu tư để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, ( $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ ) và QCVN 14:2008/BTNMT cột A,  $K = 1$  trước khi thoát ra kênh C1 tại tọa độ X = 1.228.540 và Y = 675.847 theo Văn bản số 460/2019/CV/TCT ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP về việc kết nối nước thải Khu dân cư Mỹ Phước 3 vào nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Mỹ Phước 3.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải

#### 3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao khoảng 03 m xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải..., không để rơi rớt vật liệu; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày trời không mưa.

#### 3.2.2. Về xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường nhằm hạn chế tối đa lớp asphalt bị lão hóa; thường xuyên quét dọn, vệ sinh các tuyến đường giao thông; phun nước rửa đường bằng thiết bị chuyên dụng định kỳ 1 lần/ngày vào những ngày nắng nóng; sử dụng các thùng chứa và xe thu gom rác chuyên dụng có nắp đậy, không để rơi vãi rác và chảy nước xuống đường; trồng cây xanh dọc các tuyến đường giao thông và các công trình công cộng trong phạm vi Dự án, đảm bảo phủ xanh toàn bộ diện tích đất trống trong khuôn viên dự án; vệ sinh và phun enzym khử mùi định kỳ đối với các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực tập kết rác thải; trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực tập kết rác thải, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định tại QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

#### 3.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất, đá, phế thải trước khi thực hiện thi công; tận dụng lại một phần phế thải phát sinh từ hoạt động thi công để bán cho đơn vị thu mua, tái chế (nhựa, nhôm, kính, dây điện, sắt, thép...); phần không thể tận dụng được thu gom và vận chuyển đi đổ thải tại bãi thải đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền chấp thuận.

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công vào 04 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại công trường thi công; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải.

- Tập kết toàn bộ khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt tại khu vực chưa tiến hành thi công để tận dụng cho hoạt động trồng cây xanh trong phạm vi Dự án. Xây dựng một số ô chứa kích thước L x B khoảng (15 x 15) m, chiều cao tập kết không quá 1,5 m, chân các ô có đào các rãnh thoát nước để lưu chứa tạm thời toàn đất bóc hữu cơ.

3.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành

- Bố trí hệ thống các thùng chứa rác chuyên dụng có màu sắc khác nhau, có nắp đậy thể tích khoảng 150 lít/thùng tại các tuyến đường trong khu dân cư với mật độ khoảng 50 m/thùng rác để thu gom, phân loại chất thải tại nguồn; định kỳ vận chuyển về vị trí tập kết rác thải của Dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ mỗi công trình được thu gom, phân loại chất thải tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan; định kỳ thu gom bằng các xe đẩy chuyên dụng về vị trí tập kết rác thải của Dự án.

- Thu gom toàn bộ sinh khối từ hoạt động chăm sóc cây, cỏ và vận chuyển về vị trí tập kết rác thải của Dự án.

- Bố trí 01 vị trí tập kết rác thải tại khu đất kỹ thuật, diện tích khoảng 50 m<sup>2</sup> có nền gia cố bê tông chống thấm, có mái che. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí tại mỗi công trường xây dựng khoảng 02 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích khoảng 220 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh. Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ mỗi công trình được thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan; định kỳ thu gom về kho lưu giữ chất thải nguy hại của Dự án.

- Xây dựng 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích khoảng 10 m<sup>2</sup> để lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án. Kho lưu chứa được xây dựng theo đúng quy cách, có tường gạch bao quanh, có mái che, có biển cảnh báo bên ngoài, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung



3.5.1.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng

Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; che chắn xung quanh khu vực công trường thi công bằng vật liệu bạt hoặc tôn với chiều cao 03 m.

3.5.1.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

Quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của dự án là 30 km/h; xây dựng nội quy, quy chế sinh hoạt, hoạt động vui chơi giải trí trong Khu dân cư.

3.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn trong giai đoạn vận hành

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải, chia thành nhiều lưu vực để giảm tiết diện cống thoát nước. Nước mưa từ các lưu vực được thu gom vào hệ thống cống thoát nước và hố ga lắng cặn kích thước L x B x H khoảng (1,5 x 1,5 x 2) m với mật độ khoảng 20 ÷ 40 m/hố ga xung quanh khu vực Dự án để thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra 23 cửa xả ra kênh C1; thường xuyên vệ sinh, quét dọn mặt đường và kiểm tra, khơi thông, nạo vét bùn đất, chất lắng cặn tại cống thoát nước mưa, hố ga, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước mưa; tuyên truyền, giáo dục người dân ý thức giữ gìn vệ sinh chung.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện

Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và thực hiện phương án được duyệt theo quy định; trang bị, lắp đặt đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, hệ thống cảnh báo cháy và hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc, và hệ thống thông gió tại các công trình của Dự án theo quy định, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; tính toán, thiết kế, xây dựng, lắp đặt các phương tiện, lối thoát hiểm tại các công trình; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập úng

Quản lý vật liệu thi công, đất đá thải và chất thải rắn xây dựng theo quy định; không tiến hành thi công khi có mưa lớn; xây dựng hệ thống rãnh thoát nước với thiết kế phù hợp tại tất cả các vị trí thi công; thường xuyên kiểm tra, nạo vét định kỳ các tuyến tiêu thoát nước. Trường hợp xảy ra sự cố ngập úng cục bộ, khẩn trương kiểm tra, xác định nguyên nhân sự cố; khơi thông dòng chảy, huy động máy bơm nước khi cần thiết; dọn dẹp mặt bằng, khắc phục hậu quả; lập biên bản, đúc rút kinh nghiệm.

### 3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại khu vực thi công ban đêm; xây dựng nội quy làm việc và quán triệt công tác an toàn trong thi công, vệ sinh môi trường; thiết lập tổ y tế túc trực tại Dự án và thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường; thường xuyên tổ chức diễn tập cho các tình huống xảy ra sự cố. Trường hợp xảy ra sự cố, khẩn trương thực hiện các biện pháp sơ cứu người bị nạn; cấm biển báo khu vực xảy ra sự cố và báo cáo cơ quan chức năng, đưa người bị nạn đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất; phối hợp với cơ quan chức năng xử lý sự cố, thu dọn hiện trường và khắc phục hậu quả sự cố.

### 3.6.4. Phương án ứng phó sự cố chất thải

Xây dựng và thực hiện quy chế ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

## 3.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

### 3.7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông

3.7.1.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông khu vực Dự án trong giai đoạn thi công

- Đặt biển báo thi công, giới hạn tốc độ xe 5km/giờ tại 02 đầu nút giao và có người trực để điều tiết giao thông; không chuyên chở vật liệu trên đường trong giờ cao điểm từ 6 giờ đến 8 giờ và từ 16 giờ đến 18 giờ; quy định đối với lái xe không uống rượu bia trong quá trình vận hành phương tiện, đảm bảo chạy đúng tốc độ quy định.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt; xây dựng hàng rào bao quanh vị trí thi công; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

3.7.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông khu vực Dự án trong giai đoạn vận hành

Bố trí biển báo, hướng dẫn xe ra vào khu vực dự án; lập các biển báo hạn chế tốc độ trong Khu dân cư; nghiêm cấm các hình thức buôn bán lấn chiếm lòng lề đường gây mất an toàn giao thông và mất an ninh trật tự.

### 3.7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, có phương án thi công thích hợp, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đối với các đối tượng nhạy cảm xung quanh; khai báo tạm trú cho công nhân từ nơi khác đến với chính quyền sở tại; thông báo cho chính quyền và người dân địa phương kế hoạch triển khai Dự án; sử dụng tối đa công nhân lao động tại địa phương; giữ mối liên hệ tốt với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề

phát sinh xung đột trong quá trình thực hiện Dự án.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án**

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa với 23 cửa xả ra kênh C1.
- Hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 10 m<sup>2</sup>.
- 01 điểm tập kết rác thải diện tích khoảng 50 m<sup>2</sup>.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án**

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 vị trí gần khu dân cư tiếp giáp phía Đông khu vực Dự án và 01 vị trí tại tuyến đường NE2.

- Thông số giám sát: Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, độ ồn, rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt giai đoạn xây dựng Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Vị trí giám sát: tại các vị trí có phát sinh chất thải và tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời tại công trường.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

5.1.3. Giám sát vận chuyển, đổ thải

- Vị trí: Tại tất cả những vị trí có phát sinh đất, đá, phế thải; giám sát việc vận chuyển đổ thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Thông số giám sát: Khối lượng; tuyến đường vận chuyển; biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình vận chuyển đổ thải.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành thương mại

5.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Vị trí giám sát: Tại trạm bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung

3.2 công suất 13.329 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Khu công nghiệp Mỹ Phước 3.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại điểm tập kết rác thải và kho lưu trữ tạm thời rác thải nguy hại.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

6.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01/2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

6.3. Thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu xây dựng theo đúng Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 23/04/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết (tỉ lệ 1/500) Khu dân cư Mỹ Phước 3 tại phường Thới Hòa, phường Chánh Phú Hòa, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6.4. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án, hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh kênh C1 và sông Thị Tính khu vực Dự án.

6.5. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải rửa xe và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng vào mục đích tưới nước dập bụi trên công trường thi công, làm ẩm vật liệu và đất thải trước khi vận chuyển và tuần hoàn rửa bánh xe.

6.6. Đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đều được thu gom, đấu nối về Nhà máy xử lý nước thải 3.2 của Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 0,9$ ) trước khi thoát ra kênh C1 và chảy vào sông Thị Tính theo thỏa thuận tại Văn bản số 460/2019/CV/TCT ngày 12

tháng 8 năm 2019 của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP về việc kết nối nước thải Khu dân cư Mỹ Phước 3 vào nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường.

6.7. Xây dựng các khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong Khu dân cư Mỹ Phước 3 được thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định của tỉnh Bình Dương, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

6.8. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải, phế thải xây dựng trước khi thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng, đất đá thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

6.9. Giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của mùi hôi tại khu tập kết rác thải của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

6.10. Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, thủy lợi, bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, rà phá bom mìn; đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa các rủi ro và sự cố môi trường trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án.

6.11. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án; hướng dẫn cư dân Khu dân cư tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.



6.12. Thực hiện các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của Dự án đến các hoạt động giao thông; cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Dự án.

6.13. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

6.14. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện như cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.15. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.